

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2019.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng.

2. Ông Đỗ Văn Lom.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa:

*** *Nguyên đơn:*** Anh Bùi Văn M - Sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp TT, xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - có đơn xin vắng).

*** *Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim C - Sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp PL, xã Hưng KTB, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Bùi Văn M trình bày:

Năm 1998 anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh Trung B, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/1998.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm nên anh chị thường xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, anh M yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C có 01 người con chung là Bùi Thị Mỹ D - Sinh ngày 14/10/1998. Do Bùi Thị Mỹ D đã thành niên nên anh M không có yêu cầu gì đối với người con chung này.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt nên không có lời trình bày:

**** Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng nên Kiểm sát viên không có ý kiến.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong khi đó anh M vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị C.

Về con chung: Anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C có 01 người con chung là Bùi Thị Mỹ D - Sinh ngày 14/10/1998. Do Bùi Thị Mỹ D đã thành niên và anh M không có yêu cầu gì đối với người con chung này nên không xem xét.

Về tài sản, về nợ: Anh Bùi Văn M khai không có, chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản, nợ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn,” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh Trung B, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/1998. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa anh chị không có sự quan tâm gì cho nhau mà mạnh ai nấy sống. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng là không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị C là phù hợp.

Về con chung: Anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C có 01 người con chung là Bùi Thị Mỹ D - Sinh ngày 14/10/1998. Do Bùi Thị Mỹ D đã thành niên nên anh M không có yêu cầu gì đối với người con chung này nên không xem xét.

Về tài sản, về nợ: Anh Bùi Văn M khai không có, chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản, nợ nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn M đối với chị Nguyễn Thị Kim C.

2. *Về con chung*: Người con chung giữa anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị Kim C là Bùi Thị Mỹ D - Sinh ngày 14/10/1998 đã thành niên và anh M, chị C không có yêu cầu gì đối với người con chung này nên không xem xét.

3. *Về tài sản, về nợ*: Anh Bùi Văn M khai không có, chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt mà không gửi cho Tòa án văn bản hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản, nợ nên không xem xét.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Anh Bùi Văn M phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0020437 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre. Anh M đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Văn Phận